Bố cục file code python

1. **Import thư viện**
2. **cấu hình cổng COM**
3. **Vòng lặp**

Các từ khóa trong python

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| False | Await | Else | Import | Pass |
| None | Break | Except | In | Raise |
| True | Class | Finally | Is | Return |
| And | Continue | For | Lamda | Try |
| As | Def | From | Nonlocal | While |
| Assert | Del | Global | Not | With |
| Async | Elif | If | Or | Yield |

1. Biến là gì ?

Biến (được gán bằng 1 giá trị

* Khởi tạo biến

Tên biến = giá trị của biến

Vd : a = 849738

b = 775365

* Tên của biến chỉ chứa các chữ cái , số và dấu gạch dưới “\_”
* Tên của biến không được trùng với từ khóa trong python
* Khởi tạo nhiều biến

< tên biến T1>, < tên biến T2>, …< tên biến n> = < giá trị biến T1>, < giá trị biến T2> …< giá trị biến n>

* Kiểm tra kiểu dữ liệu của biến :sử dụng hàm “type()”

Type (<tên biến>)

* Các kiểu dữ liệu

int (Intergers) : số nguyên

Str (string): chuỗi

float : số thực

1. Chuỗi

* Chuỗi (str( string)) là 1 kiểu dữ liệu dùng để lưu trữ 1 dãy ký tự như : chữ cái, số, ký hiệu, khoảng trắng,…
* Chuỗi thường nằm bên trong dấu ‘..’ hoặc dấu “..”

VD : S3 = “ Hello”

S2 = ‘ Python’

S1 = “”” chuỗi nhiều dòng ”””

* Các kiều định dạng chuỗi
* Kiểu toán tử % : sử dụng dấu % kết hợp với specifier (%s , %d, %f ,…)

+ Các specifier phổ biến

* %s : chuỗi (str)
* %d : số nguyên (int)
* %f : số thực (fload)
* Str. Format()
* Sử dụng dấu {} để chèn biến
* Có thể đánh chỉ số hoặc đặt tên
* Hỗ trợ định dạng nâng cao
* F- strings
* Thêm chữ “ f “ trước chuỗi
* Có thể nhúng biến hoặc biểu thức python trực tiếp trong {}
* Căn lề bằng phương thức format

|  |  |
| --- | --- |
| Căn lề trái | {:(c)<n} |
| Căn lề phải | {:(c)>n} |
| Căn giữa | {:(c)^n} |

Với c là kí tự muốn thay thế vào chỗ trống , nếu để trống thì sẽ là kí tự khoảng trắng , còn n là số kí tự dùng để căn lề